

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 822/2026/DS-PT

Ngày: 24.7.2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh

Các thẩm phán:

Bà Lê Thị Minh Trang

Bà Mạc Thị Chiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 948/2026/TLPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2026/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1105/2026/QĐ-PT ngày 22 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Quốc H, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Số C, T, khóm B, phường P, thành phố Cần Thơ (xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Thạch Thị T, sinh năm: 1964. Địa chỉ: Ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ (có mặt)

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn:

1. Ông Huỳnh Hoàng N, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Khu V, phường L, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Ông: Ông Thanh T1, sinh năm: 1985. Địa chỉ: ấp B, xã V, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Thạch Thị Xuân M, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Bà Hào Thị L, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp C, xã K, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

2. Bà Lý Thị Bích N1, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Thạch Thị T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phạm Quốc H trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau: Vào ngày 05/9/2023 ông có cho bà Thạch Thị T vay số tiền 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, bà T có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 42 và thửa 37, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc Phú Hòa B, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ) diện tích 8.060m² tại Văn phòng C để đảm bảo việc trả nợ. Quá trình vay bà T không đóng lãi cho ông.

Đến ngày 15/02/2025 bà T thỏa thuận đồng ý chuyển nhượng 02 thửa đất nêu trên cho ông H với số tiền là 350.000.000 đồng, ông giao cho bà T thêm số tiền 150.000.000 đồng, nhưng do không có nhu cầu sử dụng đất nên ông cho bà T mượn lại 02 thửa đất canh tác khi nào làm thủ tục giấy tờ xong ông cần sử dụng thì bà T trả lại, bà T cam kết sẽ hỗ trợ ông đăng ký đo đạc lại để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Tuy nhiên, bà T chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Nay ông khởi kiện buộc bà T phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền vay 350.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật của khoản tiền 200.000.000đ, tạm tính từ ngày 05/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/3/2026 tạm tính là 30 tháng 26 ngày đối với số tiền 200.000.000 đồng. Cụ thể 30 tháng, 26 ngày x 200.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 102.477.000 đồng.

Ông thống nhất với yêu cầu phản tố của bà T đề nghị huỷ bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vì mục đích của ông chỉ cần lấy lại tiền, việc làm hợp đồng chuyển nhượng chỉ nhằm làm tin cho khoản tiền vay và ông cũng không có nhu cầu sử dụng đất.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H, bị đơn bà T có ý kiến và phản tố như sau: Bà thừa nhận chữ ký trong tờ biên nhận ngày 15/02/2025 ông H cung cấp là của bà nhưng thực tế bà thừa nhận chỉ vay của ông H số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, còn số tiền 150.000.000 đồng bà ký nhận nợ nhưng không có nhận tiền từ ông H mà số tiền này là tiền lãi nhập vốn. Nay bà yêu cầu phản tố như sau:

- Thống nhất trả số tiền 200.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định nhà nước từ tháng 10/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đối với số tiền lãi đã đóng thì bà yêu cầu trừ vào vốn: là trong khoảng thời gian từ tháng 9/2024 đến tháng 7/2025 bà có trả cho ông H lãi, không nhớ mấy lần, ngày tháng năm trả cũng không nhớ nhưng các lần trả có đưa tiền cho bà Thạch Thị Xuân M trả thay, mỗi lần trả số tiền từ 6.500.000 đồng đến 10.000.000 đồng, có 01 lần trả số tiền 13.000.000 đồng và 01 lần bà trực tiếp trả số tiền 6.500.000 đồng, tổng cộng số tiền lãi đã trả là 86.000.000 đồng, việc trả lãi trả tiền mặt trực tiếp cho ông H không có ai chứng kiến.

- Tuyên hủy bỏ đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa số 42 và thửa 37 cùng tờ bản đồ số 3, diện tích 8.060 m² tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nay là Ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ), diện tích 8.060m² được chứng thực tại Văn phòng C, tỉnh Sóc Trăng giữa bà với ông H ký kết ngày 05/9/2023.

- Buộc ông Phạm Quốc H trả lại Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 42 và thửa 37 cùng tờ bản đồ số 3, diện tích 8.060 m² tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Xuân M trình bày: Bà là người giới thiệu cho bà Thạch Thị T vay tiền của ông Phạm Quốc H, khi giới thiệu thì ông H cho bà hưởng tiền hoa hồng. Ngày 05/9/2023 ông H cho bà T vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng nhưng ông H giữ lại 20.000.000 đồng để trả lãi hai tháng đầu, mỗi tháng 10.000.000 đồng. Sau đó, bà T đưa cho bà đóng thêm cho ông H được thêm 04 tháng tiền lãi với số tiền 40.000.000 đồng thì bà T bệnh nằm viện không có đóng lãi cho ông H. Đến ngày 21/7/2024 âm lịch, bà với bà T lại nhà ông H thỏa thuận thì sau khi tính lại tiền lãi bà T còn nợ ông H số tiền 65.000.000 đồng, bà T và ông H có ký Biên nhận ngày 21/7/2024 âm lịch số tiền vốn lãi là 265.000.000 đồng, mỗi tháng đóng lãi 13.000.000 đồng, bà T có đưa cho bà đóng 02 lần với số tiền 26.000.000 đồng. Khi bà đi đóng lãi thì chỉ có ông H, vợ ông H ở nhà, không ai chứng kiến, đóng lãi trực tiếp bằng tiền mặt chỉ có 01 lần bà chuyển

khoản cho ông H số tiền 10.000.000 đồng. Việc bà T ký nhận nợ ông H số tiền 350.000.000 đồng thì bà không biết nhưng bà khẳng định bà T chỉ vay ông H số tiền 200.000.000 đồng và giữa bà T và ông H có đến phòng công chứng Trần Văn N2 làm giấy mua bán đất chứ thực tế bà T không có bán đất cho ông H.

Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử sơ thẩm công khai. Tại Bản án sơ thẩm số 54/2026/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ xét xử và quyết định như sau:

1. Huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết ngày 05/9/2023 giữa bà Thạch Thị T với ông Phạm Quốc H đối với thửa đất số 42 và thửa 37 cùng tờ bản đồ số 3, diện tích 8.060 m² tọa lạc tại ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ được chứng thực tại Văn phòng C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Buộc bà Thạch Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Quốc H số tiền vốn vay 350.000.000 đồng và tiền lãi 102.477.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 452.477.000 đồng.

3. Kể từ ngày 01/4/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ, bà Thạch Thị T còn phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Thạch Thị T về việc cản trừ số tiền lãi đã đóng 86.000.000 đồng vào tiền vốn vay.

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Thạch Thị T về việc yêu cầu ông Phạm Quốc H trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 42 và thửa 37, cùng tờ bản đồ số 3, diện tích 8.060 m² tọa lạc tại ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ.

6. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Quốc H về việc yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay 150.000.000 đồng.

7. Đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của bà Thạch Thị T về việc công nhận lại quyền sử dụng đất tại thửa số 42 và thửa 37 cùng tờ bản đồ số 3, diện tích 8.060 m² tọa lạc tại ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ cho bà Thạch Thị T.

8. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026 bị đơn bà Thạch Thị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chỉ

đồng ý trả tiền vay 200.000.000đ và không phải trả lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Phạm Quốc H tuy vắng mặt như có văn bản ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý kháng cáo của bị đơn bà T.

- Bị đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà bởi bà không có nhận tiền từ ông H. Đề nghị chuyển cơ quan điều tra làm rõ việc nhận tiền ở đâu, có hay không. Số tiền 350.000.000 đồng chuyển nhượng với hơn 8.000m² chỉ là giả cách không phải chuyển nhượng thật. Nếu như sửa án thì bà chỉ đồng ý trả 200.000.000đ tiền, không đồng ý trả 150.000.000đ, không đồng ý trả lãi, yêu cầu trừ lãi vào vốn. Buộc ông H trả bản chính giấy đất cho bà.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

+ Về nội dung: Qua tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm và xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định bà T vay tiền của ông H và có làm biên nhận 350.000.000đ nên cấp sơ thẩm buộc bà T trả tiền cho ông H, tiền lãi là có căn cứ nên giữ nguyên phần này. Đối với bản chính giấy đất của bà T đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông H trả lại cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn ông Quốc H có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Thạch Thị T:

[2.1] Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, có cơ sở xác định: giữa bà T và ông H có thỏa thuận vay tiền với nhau, tại cấp sơ thẩm, các đương sự thống nhất số tiền vay ngày 05/9/2023 là 200.000.000đ. Tuy nhiên, bà T không thống nhất số tiền 150.000.000đ ngày 15/02/2025, xét thấy, ông H cung cấp biên nhận có chữ ký bà T đã nhận đủ tiền 350.000.000đ là tiền vay ngày 05/9/2023 số tiền 200.000.000đ và lần sau thỏa thuận chuyển nhượng đất nên nhận thêm 150.000.000đ, tổng cộng 350.000.000đ, bà T thừa nhận bà có ký vào biên nhận này. Quá trình giải quyết thì bà Bà M chỉ là

người giới thiệu và biết việc bà T vay của ông H số tiền 200.000.000 đồng và làm hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 05/9/2023 để cầm cố phần đất cho số tiền vay 200.000.000 đồng. Đối với số tiền nhận thêm 150.000.000 đồng thì bà M không biết.

[2.2] Đối với Biên nhận ngày 21/7/2024 âm lịch bà T cung cấp thì thể hiện bà T có vay ông H số tiền 265.000.000 đồng, theo bà M trình bày thì bà là người cùng với bà T lại nhà ông H ký nhận nợ, số tiền 65.000.000 đồng là tiền vốn nhập lãi nhưng ông H không thừa nhận có tờ biên nhận này, tờ biên nhận chỉ có dấu lặn tay, chữ viết của bà T không có chữ ký của ông H, đồng thời, bà M hiện đang tranh chấp vụ án khác với ông H tại Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ nên lời trình bày của bà M không thể hiện được tính khách quan nên tờ biên nhận ngày 21/7/2024 âm lịch không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét là chứng cứ để giải quyết trong vụ án này.

[2.3] Tờ biên nhận ngày 15/02/2025 thể hiện bà T có vay ông H số tiền 200.000.000 đồng ngày 05/9/2023, sau đó đến ngày 15/02/2025 ông H tiếp tục giao cho bà T số tiền 150.000.000 đồng, tổng cộng là 350.000.000 đồng, bà T cho rằng việc ký tên và ghi vào Biên nhận nội dung “*đã đọc và huyển*” là do ông H ép bà ký tên vào biên nhận mà không đọc lại cho bà nghe nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh bị ép buộc nên lời trình bày của bà là không có căn cứ. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bà T trả cho nguyên đơn ông Phạm Quốc H số tiền vốn vay 350.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, kháng cáo của bà T là không có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Về yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả lãi: xét thấy, các bên đều thừa nhận đây là việc vay mượn và có thỏa thuận lãi nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn ông H là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T về việc không đồng ý trả lãi. Đối với việc bà M cho rằng có chuyển khoản cho ông H số tiền 10.000.000 đồng nhưng trong sổ phụ không ghi nội dung gửi, ông H thừa nhận có nhận 10.000.000 đồng từ bà M chuyển khoản nhưng không phải là tiền lãi mà là tiền của bà M thiếu ông H và ông H đang kiện bà M tại Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ. Xét thấy, ngoài lời trình bày của bà T và bà Xuân M thì bà T không cung cấp được các chứng cứ chứng minh có đóng tiền lãi cho nguyên đơn ông H số tiền 86.000.000 đồng nên yêu cầu của bà T cản trừ tiền lãi đóng còn thừa vào tiền vốn là không có căn cứ chấp nhận. Đối với số tiền lãi cấp sơ thẩm tính là đúng theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên giữ nguyên.

[2.5] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giữa ông H và bà T thống nhất cho rằng chỉ là giả cách để vay tiền nên các bên thống nhất hủy và khi hủy hợp đồng thì phía ông H phải có nghĩa vụ trả lại bản chính cho bà T, song song đó, bà T cũng phải có nghĩa vụ trả lại tiền đã nhận cho ông H. Cấp sơ thẩm cho rằng để đảm bảo việc bà T trả tiền cho ông H nên giữ lại bản chính giấy đất là không đúng, bởi ông H là cá nhân không có chức năng nhận thế chấp nên không được quyền giữ giấy của bà T để đảm bảo cho việc bà T trả tiền. Tới giai đoạn thi hành án nếu như bà T không trả tiền thì cơ quan có thẩm quyền sẽ phát mãi quyền sử dụng đất để thu hồi nợ theo quy định. Do đó, buộc ông H phải trả cho bà T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Đối với các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Với những nhận định trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông H về số tiền vay là đúng nên giữ nguyên. Chỉ sửa bổ sung buộc ông H trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T.

[5] Về phần án phí:

[5.1] Sơ thẩm:

- ông H phải chịu 300.000đ đối với yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng bà T được chấp nhận.

- bà T không phải chịu do là người cao tuổi, được miễn.

[5.2] Phúc thẩm: bà T không phải chịu do là người cao tuổi, được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Thạch Thị T.

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2026/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ về việc trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Quốc H về việc yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay 150.000.000 đồng.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của bà Thạch Thị T về việc công nhận lại quyền sử dụng đất tại thửa số 42 và thửa 37 cùng tờ bản đồ số 3, diện tích 8.060 m² tọa lạc tại ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ cho bà.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3.1. Huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết ngày 05/9/2023 giữa bà Thạch Thị T với ông Phạm Quốc H đối với thửa đất số 42 và thửa 37 cùng tờ bản đồ số 3, diện tích 8.060 m² tọa lạc tại ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ được chứng thực tại Văn phòng C, tỉnh Sóc Trăng, số 6029 quyển số 1/2023.

3.2. Buộc bà Thạch Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Quốc H số tiền vốn vay 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi 102.477.000. đồng (*một trăm linh hai triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*). Tổng cộng vốn lãi là 452.477.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*).

3.3. Kể từ ngày 01/4/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ, bà Thạch Thị T còn phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Thạch Thị T. Buộc ông Phạm Quốc H có nghĩa vụ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 42 và thửa 37, cùng tờ bản đồ số 3, diện tích 8.060 m² tọa lạc tại ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ cho bà Thạch Thị T.

5. Về án phí:

5.1. Dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Quốc H phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.074.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004168 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ. Ông Phạm

Quốc H được nhận lại số tiền tạm ứng án còn dư 10.774.000 đồng (*Mười triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*).

- Bà Thạch Thị T được miễn.

5.2. Dân sự phúc thẩm: Bà Thạch Thị T được miễn

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND khu vực 6;
- THADS Tp Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Thị Phương Thanh